

Bản án số: 55/2019/KDTM-PT
Ngày: 16 - 9 - 2019
V/v “Tranh chấp đòi bồi hoàn tiền
bảo hiểm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn.

Bà Huỳnh Thanh Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2019 về “*Tranh chấp đòi bồi hoàn tiền bảo hiểm*”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1132/2018/KDTM-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 543/2019/QĐPT-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: The I S Co., LTD.

Địa chỉ: Số 5 Chung H E.Rd.Sec.1, Tp (Đài Loan -Trung Quốc).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: 11A-11C PKB, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 26/9/2018).

- Bị đơn: Công ty Liên doanh TNHH N E Việt Nam.

Địa chỉ: Phòng 5.2-5 .3 Tòa nhà E, Số 364 CH, Phường 13, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Hồng H1 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Minh Th (có mặt).

Địa chỉ: Phòng 604A, Tháp A, Tòa nhà HT Plaza, 102 TT, ĐĐ, Thành phố Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền số 203/CV-NEVN-2018 ngày 27/8/2018)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH VH.

Địa chỉ: Lô 38B, Khu công nghiệp QM, thị trấn QM, huyện ML, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Tầng 5M, Tòa nhà H Tower, Số 1 NN KT, phường NC, quận TX, Thành phố Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền ngày 27/11/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH VH: Bà Phan Thị Lam H2- Luật sư Công ty Luật TNHH ĐHN- thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn, Công ty Liên doanh TNHH N E Việt Nam.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, Công ty The I S Co., LTD và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty The I S Co., LTD (I S) có ngành nghề kinh doanh là hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm và Công ty L E Inc (L) cùng là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo luật pháp Đài Loan (Trung Quốc). Ngày 29/3/2014, L Và I S ký hợp đồng bảo hiểm số 2014OP040, bao gồm việc mua bảo hiểm rủi ro cho các loại hàng hóa của L đối với các loại hàng hóa được L bán cho Công ty TNHH P.S.N Việt Nam (P) và được gửi giữ tại kho của Công ty Liên doanh TNHH N E Việt Nam (N) thông qua Bản ghi nhớ về hoạt động kho theo phương thức nhà cung cấp quản lý hàng tồn kho ký ngày 01/08/2013 giữa 3 bên L, P và N – Chi nhánh Hà Nội (Bản ghi nhớ).

Do không được N bồi thường thiệt hại đối với hàng hóa bị hư hỏng nên L đã yêu cầu Nguyên đơn chi trả tiền bảo hiểm theo Hợp đồng giữa các bên. Ngày 02/11/2015, L đã ký Biên nhận chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn cho Nguyên đơn. Ngày 23/11/2015, Nguyên đơn đã bồi thường cho L là 387.353,40 Đôla Mỹ, sau khi đã loại trừ khoản tiền không thuộc phạm vi bảo hiểm. Như vậy, Nguyên đơn có quyền yêu cầu N bồi hoàn số tiền bảo hiểm kể từ ngày 23/11/2015. Số tiền bảo hiểm có nguồn gốc từ việc L gửi giữ hàng hóa tại kho của Bị đơn tọa lạc tại Lô 38B, Khu Công nghiệp QM, huyện ML, Thành phố Hà Nội (Kho QM), theo Bản ghi nhớ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2013 đến ngày 31/7/2014. Tuy nhiên, do trước khi đến ngày hết hạn 90 ngày, do không có bất kỳ bên nào gửi thông báo chấm dứt, nên Bản ghi nhớ đã tự động được gia hạn thêm một năm, từ ngày 01/8/2014 đến ngày 31/7/2015. Trong suốt thời hạn Bản ghi nhớ được tự động gia hạn thêm đó, Bị đơn đã để xảy ra hỏa hoạn làm cháy toàn bộ hàng hóa của L được gửi giữ tại Kho QM vào ngày 18/10/2014. Theo đánh giá sơ bộ tại Công văn số 1212CV/PC45 (Đ11) của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hà Nội ngày 20/01/2015 thì nguyên nhân vụ cháy là do chập điện trên đường dây dẫn điện từ dàn nóng điều hòa nhiệt độ số 4 và

dàn lạnh điều hòa nhiệt độ số 4 (tính từ Tây sang Đông, từ Bắc sang Nam) làm cháy lớp vỏ cách điện tại kho lạnh ngoại quan của Bị đơn – Chi nhánh Hà Nội.

Ngày 19/10/2014, Bị đơn đã gửi văn bản đến các bên có liên quan để thông báo tình hình vụ cháy xảy ra tại Kho QM. Ngày 19/12/2014, L đã gửi văn thư đến Bị đơn đề nghị bồi thường thiệt hại đối với hàng hóa bị cháy của L gửi giữ tại Kho QM sau khi kiểm đếm với số tiền tương ứng là 387.353,399 Đôla Mỹ. Việc thanh toán phải được thực hiện trước ngày 31/12/2014. Tuy nhiên, quá thời hạn đề nghị, Bị đơn vẫn không thanh toán số tiền này cho L. Ngày 27/8/2015, Bị đơn đã gửi thư xác nhận cho L rằng sau khi kiểm tra số lượng hàng hóa bị cháy của L gửi giữ tại Kho QM tổng cộng là 242.573 đơn vị bộ cấp nguồn, tương ứng tổng giá trị thiệt hại là 387.353,40 Đôla Mỹ (số lượng hàng hóa bị cháy được Bị đơn kiểm kê và ghi nhận tại Phụ lục hàng hóa bị cháy đính kèm theo văn thư này). Việc kiểm kê của Bị đơn đối với số lượng hàng hóa bị cháy của L cũng phù hợp với kiểm kê của công ty giám sát độc lập (E&P GLOBAL SURVEY & RECOVERY SERVICES COMPANY LIMITED) được Nguyên đơn chỉ định như ghi nhận tại Báo cáo số EP (F114-233) của công ty giám sát độc lập ngày 30/11/2015 rằng số lượng hàng hóa bị cháy là 242.573 đơn vị bộ cấp nguồn, tương ứng tổng giá trị thiệt hại là 387.353,40 Đôla Mỹ. Tuy nhiên, công ty giám sát độc lập đã chỉ ra rằng số lượng hàng hóa bị cháy được bảo hiểm chỉ là 239.579 đơn vị bộ cấp nguồn, tương ứng với giá trị thiệt hại là 379.380,83 Đôla Mỹ, thay vì 387.353,40 Đôla Mỹ. Công ty giám sát độc lập đã chỉ ra rằng số lượng hàng hóa chênh lệch 2.994 đơn vị bộ cấp nguồn, tương ứng với giá trị thiệt hại là 6.743,91 Đôla Mỹ là thuộc về trách nhiệm của P, tức là P phải có nghĩa vụ phải mua số lượng hàng hóa chênh lệch này do lưu kho vượt quá thời hạn 90 ngày theo Điều 9 của Bản ghi nhớ.

Nguyên đơn đã liên hệ với Bị đơn để yêu cầu bồi hoàn số tiền bảo hiểm nhưng không được chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 5.3 của Bản ghi nhớ, Biên nhận chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn, Điều 562, Điều 577 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 49 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000, Điều 302 và Điều 303 của Luật Thương mại năm 2005, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải bồi hoàn cho Nguyên đơn số tiền bảo hiểm là 379.380,83 Đôla Mỹ.

Bị đơn, Công ty Liên doanh TNHH N E Việt Nam và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn bồi thường thiệt hại do vụ cháy xảy ra tại kho ở Khu Công nghiệp QM thuộc sở hữu của Công ty TNHH VH (Công ty VH) do Bị đơn thuê nên cần xác định Công ty VH tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phải cùng liên đới chịu trách nhiệm với Bị đơn. Theo Thông báo số 107 ngày 04/9/2015 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Hà Nội có nội dung “Công ty VH chủ quan không nhận thức được tính chất của sự việc nên để chi nhánh Công ty liên doanh TNHH N E trước khi cải tạo không nộp hồ sơ bản vẽ thiết kế cho Công ty TNHH VH để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm duyệt về PC&CC”. Như vậy, Công ty VH có một phần trách nhiệm trong việc để xảy ra vụ cháy kho ngày 18/10/2014. Theo Điều 577 Bộ luật Dân sự năm 2005, Công ty VH có lỗi nên phải liên đới cùng chịu trách nhiệm

bồi thường thiệt hại do vụ cháy gây ra. Đề nghị Tòa xác định tỷ lệ lỗi mỗi bên để làm căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường.

Bị đơn chỉ quan hệ hợp đồng với L chứ không có quan hệ pháp lý với Nguyên đơn nên cần thiết có sự tham gia của L với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với việc chuyển quyền yêu cầu giữa L và Nguyên đơn. Theo Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2005 về chuyển quyền yêu cầu thì “Người chuyển quyền yêu cầu phải báo cho bên có nghĩa vụ biết bằng văn bản về việc chuyển giao quyền yêu cầu” và Điều 314 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định bên có nghĩa vụ có quyền từ chối nếu “Trong trường hợp bên có nghĩa vụ không được thông báo về việc chuyển quyền yêu cầu hoặc người thế quyền không chứng minh về tính xác thực của việc chuyển giao quyền yêu cầu thì bên có nghĩa vụ có quyền từ chối việc thực hiện nghĩa vụ đối với người thế quyền”. Bị đơn chỉ biết việc chuyển quyền này khi giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Việt Nam (VIAC), việc không thông báo của Nguyên đơn theo Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2005 là Nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH VH và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty VH đã thực hiện đúng các quy định về phòng cháy, chữa cháy, cụ thể như sau: Trong quá trình xây dựng nhà kho, Công ty VH đã hoàn thiện đầy đủ trang thiết bị và tuân thủ các thủ tục về phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật và ngày 24/12/2007, được Công an tỉnh VP cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy, chữa cháy cho nhà xưởng của Công ty VH. Khi ký kết hợp đồng thuê kho, Công ty VH đã bàn giao hệ thống phòng cháy, chữa cháy đầy đủ và hoàn thiện cho Bị đơn, thể hiện tại các Biên bản bàn giao ngày 25/9/2009 và ngày 15/01/2011. Tất cả hệ thống phòng cháy, chữa cháy nêu trên đều được Công ty VH và Bị đơn xác nhận là còn nguyên vẹn, vận hành bình thường và 02 bên nhất trí giao nhận. Việc Bị đơn không tuân thủ các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy trước khi xây dựng kho lạnh dẫn đến chập cháy điện trong quá trình sử dụng là hoàn toàn do lỗi của Bị đơn.

Tại Điều 3, 4 của Hợp đồng thuê kho đã quy định: Bị đơn có trách nhiệm và nghĩa vụ tự quản lý kho, hàng hóa trong kho hàng và tự trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy bên trong khu vực thuê kho để phù hợp với hàng hóa lưu giữ trong kho. Công ty VH chỉ chịu trách nhiệm nếu để xảy ra hỏa hoạn từ bên ngoài có ảnh hưởng đến kho hàng. Theo Kết luận giám định số 4135/C54-P2 ngày 17/11/2014 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an thì nguyên nhân vụ cháy được xác định là xuất phát từ việc chập điện bên trong kho lạnh chứa hàng do Bị đơn quản lý, sử dụng. Do vậy, Công ty VH không phải chịu bất kỳ trách nhiệm liên đới nào đối với việc chiếm hữu và sử dụng kho chứa hàng lạnh của Bị đơn.

Bị đơn là chủ đầu tư công trình, có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy khi xây dựng kho lạnh ngoại quan. Quá trình điều tra đã làm rõ việc xây dựng kho lạnh trong kho ngoại quan của Bị đơn không được thẩm

duyet về phòng cháy và chữa cháy, khi đưa vào sử dụng không đảm bảo an toàn về phòng cháy, dẫn đến hậu quả là vụ cháy xảy ra ngày 18/10/2014. Đối với việc xây dựng kho hàng lạnh nêu trên: Ngày 11/07/2013, Bị đơn có Công văn số 122/2013-CV-NEV-HAN gửi Công ty VH thông báo nội dung: Bị đơn sẽ xây dựng kho chứa hàng lạnh trong khu vực kho ngoại quan với diện tích 300m², việc này đã được Cơ quan Hải quan cho phép, nay đề nghị Công ty VH đồng ý. Ngày 18/7/2013, Công ty VH có Công văn số 06-13/CV-VH, đồng ý cho Bị đơn xây dựng kho chứa hàng lạnh nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau: *Không làm thay đổi kết cấu nhà xưởng; Sử dụng nguồn điện với công suất hiện đang dùng và lắp đặt thêm thiết bị cho việc làm thêm kho lạnh nhưng không quá 45KW; Tự chịu trách nhiệm (trước pháp luật) về các vấn đề liên quan đến phòng cháy, chữa cháy đối với việc thay đổi kho hàng; Tự chịu trách nhiệm và đảm bảo về an toàn lao động.* Căn cứ quy định tại khoản 21, Điều 3, Luật Xây dựng; Điều 16 Luật phòng cháy và chữa cháy thì Bị đơn là chủ đầu tư xây dựng kho chứa hàng lạnh trong khu vực kho ngoại quan, phải chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ thủ tục trình duyệt dự án, thiết kế về phòng cháy, chữa cháy. Sau khi được duyệt thì mới được thi công, nghiệm thu và bàn giao công trình trước khi đưa vào sử dụng. Việc Bị đơn tự ý xây dựng thêm kho hàng lạnh và đưa vào sử dụng là vi phạm quy định tại Điều 16 Luật phòng cháy, chữa cháy. Do đó, Bị đơn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc để xảy ra việc cháy ngày 18/10/2014.

Căn cứ vào Kết luận giám định số 4135/C54-P2 đã xác định được một phần nguyên nhân của vụ cháy là “do chập điện trên đường dây dẫn từ dàn nóng điều hòa nhiệt độ số 4 vào dàn lạnh điều hòa nhiệt độ số 4 (Tính từ Tây sang Đông, từ Bắc sang Nam) của kho lạnh Ngoại quan ... của Chi nhánh Công ty N E”. Mặc dù Kết luận giám định không xác định nguyên nhân cụ thể của vụ cháy. Tuy nhiên, có thể xác định việc Bị đơn quản lý, sử dụng các thiết bị điện lạnh cũng như thiết kế hệ thống dây dẫn điện trong kho lạnh ngoại quan đã không đảm bảo an toàn dẫn đến chập cháy. Thậm chí, việc tiêu thụ điện năng Bị đơn còn có dấu hiệu sử dụng quá công suất cho phép (quá 45KW – theo Công văn 06-13/CV-VH ngày 18/7/2013) khi chỉ số công tơ điện tăng một cách đột biến trong 05 tháng liên tiếp (từ tháng 05/2014 đến tháng 9/2014) trước thời điểm vụ cháy xảy ra (căn cứ theo các Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và thanh toán tiền điện). Như vậy, Bị đơn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm với các thiết bị cũng như quá trình sử dụng, lắp đặt không đảm bảo an toàn, dẫn đến vụ cháy.

Do những vi phạm các quy định về phòng cháy, chữa cháy nên Bị đơn phải chịu toàn bộ trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bên có liên quan. Công ty VH không có lỗi trong việc để xảy ra cháy kho. Công ty VH xin rút lại yêu cầu độc lập được nêu tại Bản tự khai ngày 26/04/2017 về việc yêu cầu Công ty N E bồi thường thiệt hại do vụ cháy ngày 18/10/2014 gây ra.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1132/2018/KDTM-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 5; Khoản 5, Điều 30; Khoản 3, Điều 35; Điều 38; Điều 39; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 563; Điều 577 Bộ luật Dân sự

năm 2005; Điều 302; Điều 303; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 1, Điều 49 Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010); Khoản 1, Khoản 6, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn-The I S Co., LTD.

2. Buộc Bị đơn- Công ty Liên doanh TNHH N E Việt Nam phải bồi hoàn số tiền bảo hiểm cho Nguyên đơn- The I S Co., LTD.

Tổng cộng là 379.380,83 Đôla Mỹ; nhưng được thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng theo tỷ giá bán ra do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm thanh toán.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bị đơn không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Bị đơn còn phải trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành, theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án; số tiền này cũng được quy đổi ra tiền Việt Nam Đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/8/2018, Công ty N E Việt Nam kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 31/8/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty N E Việt Nam giữ nguyên kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện theo uỷ quyền của Công ty N trình bày: Công ty I S và Công ty L có ký kết hợp đồng bảo hiểm. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi bồi hoàn bảo hiểm” nên tranh chấp giữa 2 công ty đều có Quốc tịch Đài Loan -Trung Quốc theo hợp đồng bảo hiểm thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Thỏa thuận 3 bên, gồm: Công ty L, Công ty P và Công ty N ngày 01/8/2013 thực hiện theo pháp luật Việt Nam, trong đó các bên thỏa thuận cơ chế giải quyết tranh chấp là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam. Việc Công ty L có chuyển quyền yêu cầu thì tranh chấp giữa Công ty I S và Công ty N cũng phải giải quyết theo tổ tụng trọng tài đã được 3 bên thỏa thuận. Công ty I S và Công ty L ký kết hợp đồng ngoài lãnh thổ Việt nam nên không thể áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết. Việc Công ty L chuyển quyền yêu cầu cho Công ty I S nhưng không thông báo bằng văn bản cho Công ty N là vi phạm quy định tại Điều 309, 314 Bộ luật dân sự 2015. Công ty N xác định việc chấy tại kho

thuê của Công ty VH là đúng và thống nhất số lượng hàng hoá bị hư hỏng, tương đương 379.380,83 USD. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án và đình chỉ vụ án.

Đại diện theo uỷ quyền của Công ty I S trình bày: Trong vụ án này, Công ty I S chỉ yêu cầu Công ty N bồi hoàn số tiền bảo hiểm đã chi trả cho Công ty L. Công ty I S và Công ty L không có tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm giữa các bên. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Việc kháng cáo của Công ty N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ do Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh không có thẩm quyền giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty N kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đúng quy định tại Điều 271, 272, 273, 276, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 18/4/2017, Công ty N có đơn khiếu nại cho rằng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án không đúng thẩm quyền. Ngày 17/5/2017, Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 329/2017/QĐ-GQKN có nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của Công ty N. Không đồng ý, Công ty N tiếp tục khiếu nại và ngày 02/10/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 52/2017/QĐ-GQKN về việc giải quyết khiếu nại, có nội dung: Giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 329/2017/QĐ-GQKN ngày 17/5/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, việc khiếu nại của Công ty N về thẩm quyền giải quyết vụ án đã được giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Đến nay, Quyết định số 52/2017/QĐ-GQKN vẫn còn có hiệu lực thi hành.

[1.3] Về điều kiện khởi kiện: Điều 309 Bộ luật dân sự 2015 về chuyển giao quyền yêu cầu quy định: Người chuyển giao quyền yêu cầu phải báo cho bên có nghĩa vụ biết bằng văn bản về việc chuyển giao quyền yêu cầu. Mặc dù Công ty L không thông báo bằng văn bản cho Công ty N về việc chuyển giao quyền yêu cầu cho Công ty I S đúng quy định nêu trên nhưng thực tế Công ty N đã biết việc Công ty L chuyển giao quyền yêu cầu cho Công ty I S khi các bên tranh chấp, được Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) giải quyết năm 2015, điều này được chính Công ty N thừa nhận và thời điểm Công ty N biết việc chuyển

giao quyền yêu cầu cho Công ty I S diễn ra trước khi Công ty I S khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, việc khởi kiện của Công ty I S không vi phạm quy định về điều kiện khởi kiện.

[1.4] Theo Đơn khởi kiện ngày 29/6/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Công ty I S xác định yêu cầu khởi kiện là đòi Công ty N hoàn trả số tiền bảo hiểm mà Nguyên đơn đã thanh toán cho Công ty L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên trong vụ án này là tranh chấp về “Đòi bồi hoàn tiền bảo hiểm” là đúng quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 49 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010);

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo Bản ghi nhớ ngày 01/8/2013 và sự thừa nhận của các đương sự, có căn cứ xác định: Công ty N và Công ty L có hợp đồng thuê kho tại kho ở Khu Công nghiệp QM thuộc sở hữu của Công ty TNHH VH.

[2.2] Tại Công văn số 1212CV/PC45 (Đ11) ngày 20/01/2015 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an Thành phố Hà Nội đã xác định nguyên nhân vụ cháy là do chập điện trên đường dây dẫn điện từ dàn nóng điều hòa nhiệt độ số 4 và dàn lạnh điều hòa nhiệt độ số 4 (tính từ Tây sang Đông, từ Bắc sang Nam) làm cháy lớp vỏ cách điện tại kho lạnh ngoại quan của Công ty N. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty N đã để xảy ra hỏa hoạn làm cháy toàn bộ hàng hóa của Công ty L gửi giữ tại Kho QM vào ngày 18/10/2014.

[2.3] Ngày 19/12/2014, Công ty L có văn bản yêu cầu Công ty N bồi thường thiệt hại đối với hàng hóa bị cháy gửi giữ tại Kho QM, số tiền 387.353,399 Đôla Mỹ. Việc thanh toán thực hiện trước ngày 31/12/2014. Ngày 27/8/2015, Công ty N xác nhận số lượng hàng hóa bị cháy của Công ty L gửi giữ tại Kho QM là 242.573 đơn vị bộ cấp nguồn, tương ứng 387.353,40 Đôla Mỹ. Tại Báo cáo số EP(FI14-233) ngày 30/11/2015 của Công ty giám sát độc lập – Công ty E&P Global Survey & Recovery Services Company Limited (do Công ty N chỉ định) đã xác định số lượng hàng hóa bị cháy 239.579 đơn vị bộ cấp nguồn, tương ứng với giá trị thiệt hại là 379.380,83 Đôla Mỹ. Vì vậy, tổng giá trị thiệt hại là 387.353,40 Đôla Mỹ.

[2.4] Tại Hợp đồng bảo hiểm số 2014OP040 ngày 29/3/2014 giữa Công ty I S và Công ty L có nội dung: Công ty L mua bảo hiểm rủi ro cho các loại hàng hóa của Công ty L bán cho Công ty TNHH P, được gửi giữ tại kho của Công ty VH. Do Công ty N không bồi thường thiệt hại nên Công ty L đã yêu cầu Công ty I S chi trả tiền bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm số 2014OP040 nêu trên. Ngày 23/11/2015, Công ty I S đã chuyển toàn bộ số tiền bảo hiểm (379.380,83 Đôla Mỹ) cho Công ty L theo Biên nhận chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn ngày 02/11/2015 của Công ty L nên kể từ ngày 23/11/2015, Công ty I S có quyền yêu cầu Công ty N bồi hoàn đối với số tiền đã thanh toán Công ty L.

[2.5] Như vậy, Công ty I S và Công ty L không có tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm. Công ty I S chỉ yêu cầu Công ty N bồi hoàn số tiền bảo hiểm đã bồi thường tổn thất cho Công ty L theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi bổ sung năm 2010. Do đó, không thể áp dụng thỏa thuận giữa Công ty I S và Công ty L trong hợp đồng bảo hiểm về nội dung: “Điều khoản bảo hiểm này được áp dụng theo luật và thông lệ Anh Quốc” để giải quyết vụ án này.

[3] Đối với yêu cầu của Công ty N buộc Công ty VH liên đới bồi thường cho Công ty I S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, Công ty N không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này của Công ty N là có căn cứ. Hơn nữa, tại Thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm số 107/TB ngày 04/9/2015 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an Thành phố Hà Nội đã kết luận: Công ty VH có một phần lỗi trong việc kiểm tra, giám sát việc Công ty N xây kho ngoại quan nhưng đây là lỗi về hành chính, không phải là nguyên nhân dẫn đến vụ cháy. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty N xác định thiệt hại từ việc cháy kho của Công ty VH là 379.380,83 Đôla Mỹ và không tranh chấp về số tiền thiệt hại nêu trên.

[4] Như nội dung đã nêu tại mục [2], Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty I S là có căn cứ. Tại phiên tòa, Công ty N không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận nên Công ty N phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 563; Điều 577 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 302; Điều 303; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 1, Điều 49 Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010);

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Liên doanh TNHH N E Việt Nam.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số 1132/2018/KDTM-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn-The I S Co., LTD.

4. Buộc Bị đơn - Công ty Liên doanh TNHH N E Việt Nam phải bồi hoàn số tiền bảo hiểm cho Nguyên đơn- The I S Co., LTD tổng cộng là 379.380,83 Đôla Mỹ (Ba trăm bảy mươi chín ngàn ba trăm tám mươi Đôla Mỹ và tám mươi ba xu); nhưng được thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng theo tỷ giá bán ra do

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm thanh toán.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Nguyên đơn-The I S Co., LTD có đơn yêu cầu thi hành án hoặc cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án chủ động, nếu Bị đơn- Công ty Liên doanh TNHH N E Việt Nam không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành, theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án; số tiền này cũng được quy đổi ra tiền Việt Nam Đồng.

5. Về án phí:

5.1 Án phí sơ thẩm:

- Công ty Liên doanh TNHH N E Việt Nam phải chịu 116.852.852 (*Một trăm mười sáu triệu tám trăm năm mươi hai ngàn tám trăm năm mươi hai*) đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

- Nguyên đơn - The I S Co., LTD không phải chịu và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 58.235.787 (*Năm mươi tám triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm tám mươi bảy*) đồng, theo Biên lai thu số AA/2016/0031727 ngày 16/12/2016 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2 Án phí phúc thẩm: Công ty Liên doanh TNHH N E Việt Nam phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu*) đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0049595 ngày 30/8/2018 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Liên doanh TNHH N E Việt Nam đã nộp đủ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 9 năm 2019./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh (1);
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (1);
- Lưu (5), 13b, NTMD

Phan Đức Phương